

Số: **1133** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **17** tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng

Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười

Địa điểm: Cơ sở 1: xã Tuyên Bình- huyện Vĩnh Hưng- tỉnh Long An

Cơ sở 2: xã Tân Lập- huyện Mộc Hóa- tỉnh Long An

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2477/QĐ-BNN-TCCB ngày 14/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đổi tên Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm nông nghiệp Đồng Tháp Mười thành Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười;

Căn cứ Quyết định số 3829/QĐ/BNN-KH ngày 03/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v cho phép lập quy hoạch tổng mặt bằng Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 004717; số 004718 ngày 25/02/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 626 Ấp Rạch Mây, xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; thửa đất số 111-129-142-143 Ấp 5 xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An cho Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười;

Căn cứ Văn bản số 804/UB ngày 27/6/1983 của UBND tỉnh Long An cấp cho Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) 106 ha tại xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An để xây dựng Trung tâm nghiên cứu Đáy vùng Nam Bộ (tiền thân của Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười); Văn bản số 328/UBND-NN ngày 30/01/2011 của UBND tỉnh Long An về quy hoạch sử dụng đất của Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười);

Căn cứ Quyết định số 5393/QĐ-UB ngày 24/11/1995 của UBND tỉnh Long An giao 4650 m² đất cho Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười xây dựng trụ sở làm việc;

Căn cứ Quyết định số 76/UB/QĐ ngày 30/3/1991 của UBND xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng cấp cho Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười 7ha đất để sử dụng và sản xuất lúa;

Căn cứ Quyết định số 171/UB-QĐ-90 ngày 30/5/1990 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa về việc cấp đất cho Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Đồng Tháp Mười để xây dựng cơ bản;

Căn cứ Quyết định số 172/UB-QĐ-90 ngày 01/5/1990 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa về việc cấp đất hoang hóa cho cá nhân, tập thể Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Đồng Tháp Mười làm lúa;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Long An ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký xác nhận bản đồ quy hoạch của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười;

Xét Tờ trình số 19/TTr/TTĐTM ngày 03/4/2012 của giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười xin phê duyệt đồ án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Cục Quản lý XDCT (*Kèm theo Báo cáo thẩm định số 214/XD-TĐ ngày 04/4/2012*), Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười với nội dung chủ yếu như sau:

1. Chủ đầu tư: Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười.

2. Đơn vị lập quy hoạch chi tiết: Công ty cổ phần Tư vấn và dịch vụ Thương mại.

Chủ nhiệm lập dự án: KTS Phạm Xuân Trường.

3. Tên công trình: Quy hoạch tổng mặt bằng Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười.

4. Địa điểm, phạm vi, ranh giới quy hoạch:

4.1 Cơ sở 1:

4.1.1 Địa điểm: Ấp Rạch Mây, xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng- tỉnh Long An.

4.1.2 Phạm vi ranh giới khu đất: - Phía Bắc giáp biên giới Campuchia.

- Phía Nam giáp tỉnh lộ 831 từ Mộc Hóa đi Vĩnh Hưng.

- Phía Đông giáp xã Bình Tân huyện Mộc Hóa.

- Phía Tây giáp kênh Rạch Mây xã Tuyên Bình.

4.2 Cơ sở 2:

4.2.1 Địa điểm: Ấp 5 xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4.2.2 Phạm vi ranh giới khu đất:

- Phía Bắc giáp khu đồng ruộng và kênh tinh úy.
- Phía Nam giáp khu đồng ruộng.
- Phía Tây giáp kênh Việt Kiều tiếp đến khu đồng ruộng.
- Phía Đông giáp quốc lộ 62 từ Mộc Hóa đến Tân Thạnh.

5. Tính chất và mục tiêu quy hoạch quy hoạch: Trên cơ sở hiện trạng, lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 để phân khu chức năng, làm cơ sở lập kế hoạch xây dựng cho Trung tâm đáp ứng nhiệm vụ lâu dài của ngành.

6. Quy mô nghiên cứu quy hoạch: Cơ sở 1: 113 ha, cơ sở 2: 23,429 ha .
Thời hạn nghiên cứu: Quy hoạch cho giai đoạn từ 2012 trở đi.

7. Nội dung quy hoạch:

7.1 Cơ sở 1 tại xã Tuyên Bình huyện Vĩnh Hưng tỉnh Long An:

a. Quy hoạch phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất:

- Phân khu chức năng:

TT	Quy hoạch sử dụng đất	Diện tích (ha)	Vị trí tại các lô trên đồng ruộng	Cơ cấu trong quy hoạch (%)
	Tổng diện tích chiếm đất	113,00		
I.	Đất giao lại cho địa phương quản lý	46,90	3 khu	
1.	Đất canh tác	34,23		
2.	Đất giao lại cho đồn biên phòng	2		
3.	Đất khu CBCNV	3,96		
4	Đất ao hồ, kênh mương, thùng đầu	6,71		
II.	Diện tích đất quy hoạch lại	66,10	4 khu	100
1.	Khu đất xây dựng trụ sở	6,00		9,08
2.	Khu đất dùng cho nghiên cứu gồm :	26,13		39,53
a.	Đất nghiên cứu chọn tạo nhân giống	16,22	22 lô	24,54
-	Đất làm mạ	0,52	lô 11	0,79
-	Đất nghiên cứu chọn tạo giống lúa mới	0,87	lô 12	1,32
-	Đất nhân giống siêu nguyên chủng	0,73	lô 13	1,10
-	Đất nhân giống nguyên chủng	12,98	17 lô: 15, 16A, 16B, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 30, 32, 34	19,64
-	Đất trình diễn giống có triển vọng	1,12	2 lô: 14A, 14B	1,69
b.	Đất nghiên cứu các biện pháp canh tác trên lúa	2,24	4 lô	3,38
-	Đất nghiên cứu về đất, phân bón, bảo vệ thực vật	0,81	lô 1	1,22
-	Đất trình diễn các kỹ thuật canh tác	1,43	3 lô: 2; 3A;	2,16

	tiền bộ		4A	
c.	Đất nghiên cứu các cây trồng cạn	5,82	8 lô	8,80
-	Đất nghiên cứu giống, hợp phần kỹ thuật cho cây trồng cạn	0,8	lô 27	1,21
-	Đất thử nghiệm cơ cấu cây trồng (lúa, cây trồng cạn)	3,63	5 lô: 29, 31, 33, 35, 37	5,49
-	Đất thử nghiệm cây trồng cạn trên lô rộng và diện rộng	1,39	2 lô: 36, 38	2,10
d.	Đất thực nghiệm chăn nuôi	1,86	2 lô: 9, 10	2,81
3.	Khu đất dùng cho sản xuất giống lúa	18,82	29 lô	28,47
-	Đất sản xuất giống xác nhận	18,27	28 lô: 3B; 4B; 6; 7; 8; 39; 40; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 48A; 58B; 50; 51; 52; 53; 54; 55A; 55B; 56; 57; 58; 59; 60	27,64
-	Đất sản xuất giống hàng hóa	0,55	lô 5	0,83
4.	Đất giao thông, thủy lợi, ao hồ...	15,15		22,92

- Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng công trình	6,00	9,08
2	Đất dùng cho nghiên cứu	26,13	39,53
3	Đất dùng cho sản xuất giống	18,82	28,47
4	Đất gia thông, thủy lợi, ao hồ	15,15	22,92
	Tổng cộng	66,10	100

b. Các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc:

b.1 Các công trình xây dựng bổ sung:

TT	Hạng mục đầu tư bổ sung	Đơn vị	Khối lượng
	Các công trình giao thông thủy lợi nội đồng		
1	Nâng cấp đê bao lừng	md	3.277
	- Đê bao lừng kết hợp mương chính	-	998
	- Đê bao lừng kết hợp mương tưới, tiêu chính	-	459
	- Đê bao lừng kết hợp đường bao	-	1.820
2	Nâng cấp đường giao thông nội đồng	md	1.420
3	Đường giao thông nội đồng kết hợp mương tưới, tiêu	md	1.021
	- Đường kết hợp mương chính	-	541
	- Đường kết hợp mương nhánh	-	480
4	Xây dựng kiên cố hóa mương tưới, tiêu	md	1.773

	bằng gạch xây hoặc bê tông		
	- Mương chính	-	480
	- Mương nhánh	-	1.293
5	Xây dựng các công trình trên mương		
	- Cửa điều tiết nước	Cửa	93
	- Cống tiêu	Cống	3
	- Cống qua mương	Cống	43
6	Trạm bơm Q= 1.000 m ³ /h	Trạm	01

(Chi tiết xem các bản vẽ quy hoạch kèm theo).

b.2 Một số giải pháp cụ thể:

+ Bố cục: Khu trụ sở được giữ nguyên theo hiện trạng.

Khu cán bộ công nhân viên nằm ở phía đông, tây và tây bắc khu trụ sở, được ngăn cách bởi đường đi và ao nước.

Khu đất dùng cho nghiên cứu, sản xuất giống đều nằm ở phía tây, tây bắc khu trụ sở.

+ Cấp điện: Nguồn điện lấy từ tuyến trung thế, trạm biến áp, đường dây hạ thế đi các phụ tải của Trung tâm.

+ Cấp nước: Sử dụng giếng khoan, hệ thống xử lý nước, bể chứa, trạm bơm, đài nước, hệ thống đường ống dẫn nước.

+ Thoát nước: Nước thải được xử lý thoát ra hệ thống ao hồ.

7.2 Cơ sở 2: xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

a. Quy hoạch phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất:

- Phân khu chức năng:

TT	Quy hoạch sử dụng đất	Diện tích (ha)	Vị trí tại các lô trên đồng ruộng	Cơ cấu trong quy hoạch (%)
	Tổng diện tích chiếm đất quy hoạch	23,429	5 khu	100
1.	Khu đất xây dựng tại trụ sở	0,856		3,65
2.	Khu đất ở cho cán bộ công nhân viên	1,870		7,98
3.	Khu đất dùng cho nghiên cứu chọn tạo nhân giống	10,229	13 lô	43,67
-	Đất thí nghiệm cây trồng cạn	2,302	3 lô: 1, 2, 3	
-	Đất thí nghiệm các tiến bộ kỹ thuật canh tác	3,110	4 lô: 7, 8, 9, 16	
-	Đất nghiên cứu chọn tạo giống lúa	1,692	2 lô: 17,24	
-	Đất nghiên cứu các giống lúa trên diện rộng	3,125	4 lô: 10, 15, 18, 23	
4.	Đất dùng cho sản xuất giống	8,454	11 lô: 4; 5; 6; 11; 12; 13; 14; 19; 20; 21; 22	36,08
5.	Đất giao thông, thủy lợi, ao hồ...	2,02		8,62

- Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng trụ sở	0,856	3,65
2	Đất khu ở CBCNV	1,87	8,00
3	Đất nghiên cứu chọn tạo nhân giống	10,229	43,65
4	Đất sản xuất giống	8,454	36,08
5	Đất giao thông, thủy lợi, ao hồ	2,02	8,62
	Tổng cộng	23,429	100%

b. Các chỉ tiêu quy hoạch tại khu trụ sở:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu (%)
1	Diện tích chiếm đất	8.560	100
2	Tổng diện tích xây dựng	1.313	15,35
3	Tổng diện tích sàn xây dựng	1.693	
4	Diện tích ao, hồ, kênh	3.010	35,16
5	Diện tích sân bãi, sân phơi	765	8,94
6	Diện tích đất dự trữ phát triển cây xanh	2.852	33,32
7	Diện tích đường vào trạm	620	7,24
8	Mật độ xây dựng		15,34
9	Tầng cao công trình		1-2
10	Hệ số sử dụng đất		0,148

c. Các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc:

c.1 Các công trình xây dựng:

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị	Khối lượng	Tầng cao
I	Các công trình kiến trúc ở khu trụ sở			
1	Nhà điều hành và nghiên cứu thí nghiệm	m ²	760	2
2	Nhà lưới thí nghiệm	m ²	200	1
3	Nhà kho sản phẩm	m ²	200	1
4	Sân bê tông	m ²	765	
	- Sân phơi bê tông (gắn liền kho sản phẩm)	-	450	
	- Sân bê tông trước nhà điều hành và nghiên cứu thí nghiệm	-	315	
5	Tường rào bao quanh khu trung tâm	md	440	
6	Cổng nhà thường trực			
	- Nhà thường trực	m ²	12	1
	- Cổng chính	cái	1	
	- Cổng phụ	cái	1	
II	Các công trình hạ tầng			
1	Giếng khoan	cái	1	
2	Máy bơm chìm	cái	1	
3	Hệ thống xử lý nước (Bể lắng, lọc, dàn mưa)	HT	1	
4	Trạm bơm và đài nước	HT	1	
5	Bể chứa nước sạch V= 30 m ³	Bê	1	

6	Hệ thống đường ống cấp nước cho khu trung tâm và khu ở cán bộ nhân viên	HT	1	
III	Các công trình thủy lợi nội đồng			
1	Hệ thống đường bao	md	1.873	
2	Nâng cấp đường giao thông nội đồng	md	691	
3	Đường nội đồng kết hợp mương chính tưới, tiêu	md	572	
4	Mương nhánh xây gạch tưới, tiêu	md	1.038	
5	Trạm bơm Q= 500 m ³ /h	Trạm	1	
6	Các công trình trên mương			
	- Cửa điều tiết nước	cái	45	
	- Công qua mương	cái	17	
	- Công tiêu nước	cái	3	

c.2 Một số giải pháp cụ thể:

Từ cổng vào bố trí nhà điều hành, nghiên cứu thí nghiệm 2 tầng, sân bê tông, phía trước và sau nhà có hệ thống cây xanh tạo thành trọng tâm của khu đất quy hoạch. Đường trục chính từ quốc lộ 62 chạy suốt từ khu điều hành, nghiên cứu thí nghiệm đến cuối khu đất về phía Tây, Tây Nam, khu vực quy hoạch được bố trí như sau:

*Khu thứ nhất: Nhà điều hành và nghiên cứu thí nghiệm (xây mới) và diện tích ao.

*Khu thứ hai: Nhà kho sản phẩm, nhà lưới, sân phơi cách khu trung tâm con kênh.

* Khu thứ ba: Nhà điều hành sản xuất (đã có), đài nước và diện tích ao.

* Khu thứ tư: Đất dành cho khu ở của CBCNV.

Toàn bộ khu đất được bao quanh bởi tường rào lưới B40.

- Sân nền: Trung bình đến cao độ 2,5m.

- Cấp điện: Nguồn điện lấy từ tuyến cao thế, đường dây trung thế, trạm biến áp và đường dây hạ thế tới các phụ tải của Trung tâm.

- Cấp nước: Sử dụng giếng khoan, hệ thống xử lý nước, bể chứa, trạm bơm, đài nước, hệ thống đường ống cấp nước.

- Thoát nước: Nước thải được xử lý thoát ra hệ thống ao hồ.

(Chi tiết xem các bản vẽ quy hoạch kèm theo).

8. Tiến độ thực hiện:

- Từ 2012- 2020: Tập trung đầu tư cơ sở 1.

- Từ 2020 trở đi: Đầu tư cơ sở 2.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh Long An để hoàn thành thủ tục đất đai, xác định điểm đấu điện, nước và thoát nước cho các khu theo quy hoạch.

- Nội dung được duyệt tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này là các chỉ tiêu chủ yếu để quản lý quy hoạch của khu đất và có thể được điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch chi tiết khu vực.

- Thực hiện đầu tư xây dựng theo tổng mặt bằng được duyệt tại Quyết định này, trước khi triển khai dự án đầu tư cần làm việc với các Cục, Vụ chức năng để xác định quy mô, nội dung đầu tư và tổng mức đầu tư cho phù hợp, tránh đầu tư quá lớn gây lãng phí.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ: Kế hoạch, Cục trưởng Cục Quản lý XDCT, Viện trưởng Viện KHKTNN Miền Nam, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Bá Bông